

LEE-MING
www.lit.edu.tw



黎明技術學院
LEE-MING Institute of Technology

113 學年度國際學生產學合作專班 申請入學招生簡章

Tài liệu hướng dẫn tuyển sinh dành cho sinh viên quốc tế lớp Chuyên ban

hợp tác đào tạo giữa Nhà trường - Doanh nghiệp

năm học 2024-2025

校址：243083 新北市泰山區泰林路 3 段 22 號

Address：No. 22, Sec. 3, Tailin Rd., Taishan Dist, New Taipei City 243083, Taiwan

TEL: +886-2-29095785

FAX: +886-2-22964276

E-mail：ica@mail.lit.edu.tw

Website：www.lit.edu.tw/bin/home.php

目 錄/ Mục lục

重要日程表/ Thời gian tuyển sinh	2
一、申請資格/ Điều kiện đăng ký.....	3
二、招生系所及招生名額 / Các ngành tuyển sinh và chỉ tiêu	6
三、申請日期/ Thời hạn nộp hồ sơ.....	8
四、報名方式/ Cách thức nộp hồ sơ	8
五、評分方式及錄取原則/ Tiêu chí đánh giá và nguyên tắc tuyển sinh.....	8
六、錄取公告及成績複查/ Về công bố danh sách trúng tuyển và việc xin phúc khảo	8
七、申訴程序 / Process of Appeal / Thủ tục khiếu nại/ Prosedur pengaduan	10
八、註冊入學/ Thủ tục nhập học	10
九、收費標準/ Tiêu chuẩn nộp phí	10
十、招生委員會組成/ Committee of Admissions/ Hội đồng tuyển sinh / Panitia Penerimaan	10
十一、其他申請注意事項/ Những điều cần chú ý khi nộp hồ sơ報名時繳交之「畢業證書」及「歷年成績單」，除海外臺灣學校所發者外，應依教育部.....	11
十二、華語文能力測驗及畢業門檻說明/ Yêu cầu về trình độ tiếng Trung và điều kiện tốt nghiệp.....	12
.....	13
入學申請應繳交資料檢查表.....	15
具結書	17
授權書.....	19

重要日程表/ Thời gian tuyển sinh

作業項目/Nội dung	日期/ Ngày tháng
繳交申請表件/ Thời hạn nộp hồ sơ	Trước 21/07/2024
錄取公告/ Công bố danh sách trúng tuyển	06/08/2024
開學/ Khai giảng	30/09/2024

* 服務專線 Hotline： 02-29095785 TEL： +886-2-29095785

※本校外國學生招生事務，除宣傳、推廣及協助學生辦理來臺必要程序外，本校並未委外辦理招生事務。

Công tác tuyển sinh đối với sinh viên nước ngoài của trường chúng tôi, ngoại trừ công tác tuyên truyền, quảng bá và hỗ trợ sinh viên hoàn thành các thủ tục cần thiết để đến Đài Loan, trường chúng tôi không ủy thác cho bên ngoài công tác tuyển sinh.

※中、英、越、馬、泰、柬文版本如有出入時，以中文版為準。

Trong trường hợp có sự khác biệt giữa phiên bản tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Malaysia, tiếng Thái và tiếng Capuchia thì phiên bản tiếng Trung sẽ được ưu tiên áp dụng.

獎學金/ Scholarships/ Học bổng/ Beasiswa

(1) 臺灣獎學金：

外國學生得於入境前向中華民國（臺灣）駐外單位或代表處申請政府核發之「臺灣獎學金」，有關獎學金訊息請參考教育部國際文教處網頁：

Học bổng Bộ Giáo dục Đài Loan：

Học sinh xin học bổng này tại văn phòng đại diện Đài Loan ở Việt Nam. Xin vui lòng xem thêm thông tin trang Web của Bộ Giáo dục Đài Loan: <http://english.moe.gov.tw/mp.asp?mp=1>

(2) 黎明技術學院國際學生產學合作專班獎助學金及住宿津貼：

為協助本專班學生安心於本校就讀，凡經本校錄取並完成註冊程序者，頒發獎助學金及住宿津貼共 159,000 元。分 8 學期發放，第 1 學期~第 2 學期每學期頒發助學金 40,000 元及住宿津貼 9,500 元，第 3 學期~第 8 學期頒發助學金 10,000 元。

Học bổng hỗ trợ học tập và trợ cấp ký túc xá dành cho sinh viên quốc tế hệ chuyên ban của trường Lê Minh:

Nhằm hỗ trợ để cho sinh viên quốc tế có thể yên tâm theo học tại trường, nhà trường sẽ hỗ trợ học bổng và phí ký túc xá cho những bạn đã thông qua xét duyệt và hoàn thành thủ tục nhập học, tổng giá trị học bổng và trợ cấp ký túc xá là 159,000 Đài tệ, được phát trong 8 kỳ học: học kỳ 1 đến học kỳ 2 mỗi học kỳ phát 40,000 Đài tệ học bổng hỗ trợ học tập và 9,500 Đài tệ trợ cấp phí ký túc xá, từ học kỳ 3 đến học kỳ 8 mỗi kỳ phát học bổng 10,000 Đài tệ.

一、申請資格/ Điều kiện đăng ký

1. 具外國國籍且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格者，得依本簡章申請入學。

Người có quốc tịch nước ngoài và chưa từng có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan), đồng thời đăng ký xin học không phải với tư cách là Hoa kiều, đều có thể xin nhập học theo quy định của tài liệu này.

具外國國籍且符合下列規定，於申請時並已連續居留海外六年以上者，亦得依本簡章規定申請入學：

Người có quốc tịch nước ngoài và phù hợp với các quy định dưới đây, đồng thời khi đăng ký xin học đã cư trú liên tục tại nước ngoài từ 6 năm trở lên, đều có thể xin nhập học theo quy định của tài liệu này:

(1) 申請時兼具中華民國國籍者，應自始未曾在臺設有戶籍。

Tại thời điểm nộp đơn xin nhập học, người đang có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan), chưa đăng ký hộ tịch tại Đài Loan.

(2) 申請前曾兼具中華民國國籍，於申請時已不具中華民國國籍者，應自內政部許可喪失中華民國國籍之日起至申請時已滿八年。

Đối với người có hai quốc tịch, khi đăng ký không được mang quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan), thời gian cho phép để đăng ký xin học là 8 năm tính từ ngày Bộ Nội chính cho phép

hủy quốc tịch Đài loan cho đến thời điểm đăng ký.

- (3) 前二款均未曾以僑生身分在臺就學，且未於當學年度接受海外聯合招生委員會分發。

Người nộp đơn xin nhập học trong khoản 1 và khoản 2 trên đây, chưa từng nhập học tại các trường tại Đài Loan với tư cách là Hoa kiều, và không nhận được giấy báo nhập học nào của Hội đồng tuyển sinh hải ngoại cấp phát trong năm đó.

依教育合作協議，由外國政府、機構或學校遴薦來臺就學之外國國民，其自始未曾在臺設有戶籍者，經主管教育行政機關核准，得不受前二項規定之限制。

Theo thỏa thuận hợp tác giáo dục, người nước ngoài do cơ quan Chính phủ, đơn vị và trường học nước ngoài tiến cử đến Đài Loan học tập, chưa từng đăng ký hộ tịch tại Đài Loan, đồng thời thông qua phê duyệt của chủ quản đơn vị hành chính giáo dục thì không bị hạn chế bởi điều khoản 1 và 2 bên trên.

第二項所定六年、八年，以擬入學當學期起始日期（二月一日或八月一日）為終日計算之。

Thời gian 6 năm, 8 năm được nhắc đến trong điều 2 được tính cho đến ngày bắt đầu nhập học của kỳ học đó (ngày 1 tháng 2 hoặc ngày 1 tháng 8).

第二項所稱海外，指大陸地區、香港及澳門以外之國家或地區；所稱連續居留，指外國學生每曆年在國內停留期間未逾一百二十日。但符合下列情形之一且具相關證明文件者，不在此限；其在國內停留期間，不併入海外居留期間計算：

Định nghĩa hải ngoại được nhắc đến trong điều 2 chỉ quốc gia hoặc khu vực khác không bao gồm Ma Cao, Hồng Kông, Trung Quốc; định nghĩa về cư trú dài hạn tức chỉ thời gian lưu trú của sinh viên nước ngoài tại Đài Loan không quá 120 ngày mỗi năm. Người phù hợp với một trong các điều nêu bên dưới và có đầy đủ các giấy tờ chứng minh liên quan, thì không bị hạn chế:

- (1) 就讀僑務主管機關舉辦之海外青年技術訓練班或教育部認定之技術訓練專班。

Tham gia lớp chuyên ban huấn luyện kỹ thuật do Bộ Giáo dục công nhận hoặc các lớp thực tập ngắn hạn cho sinh viên hải ngoại do cơ quan Kiều vụ thông qua.

- (2) 就讀教育部核准得招收外國學生之各大專校院華語文中心，合計未滿二年。

Thời gian học tại trung tâm ngoại ngữ tiếng Hoa của các trường không quá 2 năm.

- (3) 交換學生，其交換期間合計未滿二年。

Sinh viên trao đổi thời gian trao đổi không quá 2 năm.

- (4) 經中央目的事業主管機關許可來臺實習，實習期間合計未滿二年。

Được các cơ quan Chính phủ cử đến Đài Loan học tập, thời gian học không quá 2 năm.

(5)具外國國籍並兼具中華民國國籍，且於外國學生來臺就學辦法中華民國一百年二月一日修正施行前已提出申請喪失中華民國國籍者，得依原規定申請入學，不受第二項規定之限制。

Người đồng thời mang quốc tịch nước ngoài và quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan), đối với người đã xin hủy quốc tịch Đài Loan trước thời gian sửa đổi quy định nhập học dành cho sinh viên Quốc tế được ban hành ngày 1/2/2011 thì sẽ căn cứ theo quy định nhập học ban hành trước đó, không bị hạn chế bởi điều 2 trong quy định này.

2. 具外國國籍，兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍，申請時於香港、澳門或海外連續居留滿六年以上者，得依本招生規定申請入學。

Người có quốc tịch nước ngoài và cư trú dài hạn tại Hồng Kông hoặc Ma Cao, đồng thời chưa từng đăng ký hộ tịch Đài Loan, tại thời điểm nộp hồ sơ thời gian cư trú tại nước ngoài, Hồng Kông hoặc Ma Cao từ 6 năm trở lên thì phải xin nhập học theo quy định này.

3. 曾為大陸地區人民具外國國籍且未曾在臺設有戶籍，申請時已連續居留海外六年以上者，得依本招生規定申請入學。

Người không có thân phận công dân Trung Quốc Đại Lục ở nước ngoài và không có hộ tịch Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan), tại thời điểm nộp đơn xin nhập học đã lưu trú tại nước ngoài 6 năm trở lên, đều có thể xin nhập học theo quy định này.

二、招生系所及招生名額 / Các ngành tuyển sinh và chỉ tiêu

招生國籍/ Quốc tịch	學位類別/ Học vị	系所別 / Khoa	合作實習企業/ Doanh nghiệp hợp tác	招生名額/ Chỉ tiêu
越南 Việt Nam	四年制學士/ Hệ cử nhân 4 năm 修業年限 4 年/ Tổng số năm đào tạo 4 năm 畢業學分 Tổng số tín chỉ tốt nghiệp 128	機械工程系 Khoa Cơ khí	台灣國際航電股份有限公司/ Công ty TNHH GARMIN Đài Loan 全球傳動科技股份有限公司/ Công ty TNHH Công nghệ Truyền Động TBI 鴻佰科技股份有限公司/ Công ty TNHH Ingrasys	40
越南 Việt Nam	四年制學士/ Hệ cử nhân 4 năm 修業年限 4 年/ Tổng số năm đào tạo 4 năm 畢業學分/ Tổng số tín chỉ tốt nghiệp 128	服飾設計系 (機能性紡織專班) Khoa Thiết kế thời trang (Lớp chuyên ban ngành dệt may ứng dụng)	興采實業股份有限公司/ Công ty TNHH Công Nghiệp SINGTEX 聚紡股份有限公司/ Công ty TNHH Công Nghiệp G-FUN 神采時尚事業股份有限公司/ Công ty TNHH MAGICTEX	40
越南、泰國、馬來西亞、柬埔寨 / Vietnam, Thailand, Malaysia, Cambodia	四年制學士 Hệ cử nhân 4 năm 修業年限 4 年 Tổng số năm đào tạo 4 năm 畢業學分 Tổng số tín chỉ tốt nghiệp 128	數位多媒體系 Khoa Truyền thông đa phương tiện	台灣國際航電股份有限公司/ Công ty TNHH GARMIN Đài Loan	40
越南、馬來西亞 Vietnam, Malaysia	四年制學士/ Hệ cử nhân 4 năm 修業年限 4 年/ Tổng số năm đào tạo 4 năm 畢業學分/ Tổng số tín chỉ tốt nghiệp 128	餐飲管理系 /Khoa Quản trị Nhà hàng/	歐立食品股份有限公司./ Công ty Cổ phần Thực phẩm SUNMERRY 台灣山崎股份有限公司./ Công ty Cổ phần Sơn Kỳ Đài Loan 爭鮮股份有限公司/ Công ty Cổ phần Sushi EXPRESS 怏吉小吃股份有限公司/ Công ty Cổ phần Thực phẩm Thái Cát 佑吉小吃股份有限公司/ Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Cát	40

招生國籍/ Quốc tịch	學位類別/ Học vị	系所別 / Khoa	合作實習企業/ Doanh nghiệp hợp tác	招生名額/ Chỉ tiêu
			瓦城泰統股份有限公司/ Công ty Cổ phần TTFB 勝成餐飲股份有限公司/ Công ty Cổ phần Âm thực Thắng Thành 檀成餐飲股份有限公司/ Công ty Cổ phần Âm thực Đàn Thành 台灣太興餐飲股份有限公 司/ Công ty Cổ phần Âm thực Thái Hưng (Đài Loan) 點點心股份有限公司/ Công ty Cổ phần DIMDIMSUM 藏野有限公司/ Công ty TNHH KURANO 屏榮食品股份有限公司/ Công ty Cổ phần Âm thực Bình Vinh 新興實業有限公司/ Công ty TNHH Công nghiệp Tân Hưng 糕盛有限公司/ Công ty TNHH Cao Thịnh 奇真百福美食有限公司/ Công ty Cổ phần Âm thực Kỳ Chân Bách Phúc	

三、申請日期/ Thời hạn nộp hồ sơ

申請截止日

Hạn cuối nộp hồ sơ: 21/07/2024

四、報名方式/ Cách thức nộp hồ sơ

通訊或現場報名，申請書請送至下列地址/

Gửi bưu điện hoặc nộp trực tiếp, hồ sơ gửi về trường theo địa chỉ:

中華民國 臺灣

黎明技術學院 國際暨兩岸事務處

243083 新北市泰山區泰林路 3 段 22 號

Trung Hoa Dân Quốc Đài Loan

Phòng Quốc tế - Học viện Kỹ thuật Lê Minh

243083 Số 22, Đoạn 3 Đường Thái Lâm, Khu Thái Sơn, TP Tân Bắc

詳見第 21 頁之檢查表。

Xem tại mục 21: Các giấy tờ cần nộp.

五、評分方式及錄取原則/ Tiêu chí đánh giá và nguyên tắc tuyển sinh

1. 評分方式/ Phương thức đánh giá

書面資料審查（含在學成績及其他優秀證明）40%

Xét duyệt hồ sơ (bao gồm bảng điểm và các bằng cấp khen thưởng khác) 40%

面試 60%

/ Phỏng vấn trực tiếp 60%

2. 錄取標準/ Quy định xét tuyển

(1)以各系審查成績依序錄取，除正取生外並得列備取生。

Thứ tự dựa vào kết quả xét duyệt của từng khoa, ngoài danh sách chính thức công bố còn lại sẽ được xếp vào danh sách dự bị.

(2)具相當於華語文能力測驗(TOCFL)入門級(A1)以上之華語文能力者得優先錄取。

Ưu tiên các bạn có chứng chỉ tiếng Hoa tương đương với chứng chỉ năng lực tiếng Hoa (TOCFL) cấp 1 trở lên.

錄取名單由本校招生委員會核定後公告。

Danh sách trúng tuyển sẽ do Hội đồng tuyển sinh của trường phê duyệt và công bố chính thức.

六、錄取公告及成績複查/ Về công bố danh sách trúng tuyển và việc xin phúc khảo

1. 錄取公告/ Thông báo danh sách trúng tuyển

2. 成績複查/ Xét duyệt phúc khảo

對於本項招生錄取結果有疑慮者，於錄取名單公告後一週內提出 複查申請，申請方式以 E-MAIL 或傳真寄至本校招生中心，逾期不受理。

Nếu có bất kỳ vấn đề liên quan đến kết quả trúng tuyển, thì xin xét duyệt lại hồ sơ sau 1 tuần tính từ ngày danh sách chính thức được công bố bằng cách gửi email hoặc fax đến trung tâm tuyển sinh của trường, nếu quá hạn quy định sẽ không được giải quyết.

七、申訴程序 / Process of Appeal / Thủ tục khiếu nại/ Prosedur pengaduan

考生對於本項招生事項有疑義或有違反性別平等原則之申訴案，應於成績複查截止日起一週內提出，以書面具名向本校招生委員會提出申訴，逾期不受理。

Học sinh nếu có ý kiến liên quan đến công tác tuyển sinh hoặc quy định bình đẳng giới tính, sau thời gian kết thúc xét duyệt 1 tuần, thì làm đơn khiếu nại và gửi tới Hội đồng tuyển sinh của trường, nếu quá hạn quy định sẽ không được giải quyết.

八、註冊入學/ Thủ tục nhập học

1. 2024.09.30 開學

30/09/2024 Khai giảng

2. 錄取生應依入學通知書之規定辦理報到註冊手續，並繳驗護照、畢業證書及成績單，始得註冊入學。

Học sinh căn cứ vào nội dung thư mời nhập học để làm thủ tục báo danh nhập học, đồng thời mang bản chính hộ chiếu, bằng tốt nghiệp và bằng điểm để đối chiếu.

3. 根據教育部規定，外國學生註冊入學時，未逾該學年第一學期修業期間三分之一者，於當學期入學；已逾該學年第一學期修業期間三分之一者，於第二學期或下一學年註冊入學。

Theo quy định của Bộ Giáo dục đối với sinh viên Quốc tế, thời gian khi làm thủ tục nhập học nếu chưa vượt quá một phần ba thời gian học của kỳ thứ nhất năm học đó thì được tính nhập học vào học kỳ đó, nếu đã vượt quá một phần ba thời gian học của kỳ thứ nhất năm học đó thì được tính nhập học vào học kỳ thứ 2 của năm đó hoặc đợt nhập học năm sau.

九、收費標準/ Tiêu chuẩn nộp phí

113 學年機械工程系每學期學雜費約新臺幣 52,105 元

Học phí và phụ phí năm học 2024-2025 của khoa Cơ khí là 52,105 Đài tệ

113 學年數位多媒體系每學期學雜費約新臺幣 50,843 元

Học phí và phụ phí năm học 2024-2025 của khoa Truyền thông đa phương tiện là 50,843 Đài tệ.

113 學年餐飲管理系每學期學雜費約新臺幣 47,655 元

Học phí và phụ phí năm học 2024-2025 của khoa Quản trị Nhà hàng là 47,655 Đài tệ.

113 學年服飾設計系每學期學雜費約新臺幣 50,955 元

Học phí và phụ phí năm học 2024-2025 của khoa Thiết kế phục trang là 50,955 Đài tệ.

住宿費每學期 新臺幣 9,500 元

Phí ký túc xá mỗi học kỳ là 9,500 Đài tệ

十、招生委員會組成/ Committee of Admissions/ Hội đồng tuyển sinh / Panitia Penerimaan

本校為貫徹公平、公正、公開之精神，設立「黎明技術學院招生委員會」，辦理國際學生產學合作專班招生事宜，招生委員會由校長、教務長、學生事務長、總務長、技術合作處長、國際暨兩岸事務處處長、主任秘書、進修推廣部主任、會計主任、人事主任、圖書資訊中

心主任、招生中心主任、通識中心主任、各系(科)主任、註冊組長、課務組長、招生中心宣導活動組組長、招生中心教育聯盟合作組組長、進修推廣部教務組長擔任委員。本委員會置主任委員，由校長兼任之；總幹事由招生中心主任兼任之；執行秘書由招生中心宣導活動組組長兼任之。

Dựa trên tinh thần công bằng, trung thực, công khai, nhà trường ra quyết định thành lập “Hội đồng tuyển sinh Học Viện Kỹ thuật Lê Minh”, chịu trách nhiệm các công tác liên quan đến tuyển sinh dành cho sinh viên Quốc tế lớp chuyên ban hợp tác đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp. Thành viên hội đồng tuyển sinh bao gồm Hiệu trưởng, Trưởng phòng Giáo vụ, Trưởng phòng Công tác Sinh viên, Trưởng phòng Tổng vụ, Trưởng phòng Hợp tác Kỹ thuật, Trưởng phòng Đào tạo Hợp tác Quốc tế, Chủ nhiệm phòng Thư ký, Chủ nhiệm phòng Quản lý Đào tạo Hệ Tại chức, Chủ nhiệm phòng Kế toán, Chủ nhiệm phòng Nhân sự, Chủ nhiệm phòng Thông tin và Quản lý Thư viện, Chủ nhiệm phòng Tuyển sinh, Chủ nhiệm Trung tâm Giáo dục phát triển các khóa học thường thức, Chủ nhiệm các khoa, Tổ trưởng phòng Quản lý Sinh viên, Tổ trưởng phòng Đào tạo, Tổ trưởng phòng Tổ chức Công tác Tuyển sinh trực thuộc phòng Tuyển sinh, Tổ trưởng phòng Hợp tác Tổ chức các công tác giao lưu trong ngành giáo dục trực thuộc phòng Tuyển sinh, Tổ trưởng tổ Giáo vụ trực thuộc phòng Quản lý Đào tạo Hệ Tại chức, Hiệu trưởng sẽ kiêm chức vụ chủ tịch hội đồng tuyển sinh của trường, Chủ nhiệm trung tâm tuyển sinh sẽ kiêm chức vụ ban điều hành hội đồng tuyển sinh, Tổ trưởng phòng tổ chức công tác tuyển sinh trực thuộc phòng tuyển sinh sẽ kiêm chức vụ trưởng ban thư ký hội đồng tuyển sinh.

十一、其他申請注意事項/ Những điều cần chú ý khi nộp hồ sơ報名時繳交之「畢業證書」及「歷年成績單」，除海外臺灣學校所發者外，應依教育部

「大學辦理國外學歷採認辦法」規定辦理。

Khi đăng ký nhập học phải nộp bằng tốt nghiệp và bảng điểm, ngoại trừ bằng tốt nghiệp và bảng điểm do trường học của Đài Loan ở nước ngoài cấp phát, bằng tốt nghiệp và bảng điểm phải được chứng thực theo quy định của Bộ Giáo dục Đài Loan.

1. 依教育部規定，凡曾經入學學校以操行、學業成績不及格或因犯刑事案件經判刑確定致遭退學者，不得再向本校申請入學。若違反此規定並經查證屬實者，取消其入學資格。

Theo quy định của Bộ Giáo dục Đài Loan, những người đã từng nhập học tại Đài Loan mà bị trường đó bắt buộc cho thôi học vì ý thức kém, kết quả học tập không tốt hoặc vi phạm pháp luật bị kết án hình sự, đều không được đăng ký xin nhập học tại Học viện Kỹ thuật Lê Minh. Nếu vi phạm quy định này, khi phát hiện sẽ bị hủy bỏ tư cách nhập học.

2. 已報名或錄取之學生，如經發現申請資格不符規定或所繳交之證件有變造、偽造、假借、冒用等不實情事者，未入學者即取消錄取資格；已入學者開除學籍，亦不發給任何學歷證明；如將來在本校畢業後始發現者，除勒令繳銷其學位證書外，並公告取消其畢業資格。

Sinh viên đã đăng ký xin nhập học hoặc đã có giấy báo nhập học, nếu bị phát hiện có các điều kiện xin nhập học không phù hợp với quy định hoặc không trung thực, giả mạo, thay đổi, mạo danh... đối với các giấy tờ đã nộp, lập tức hủy bỏ tư cách nhập học đối với người chưa nhập học; đuổi học và

không cấp phát bất cứ giấy chứng nhận học tập nào đối với người đã nhập học; hủy chứng nhận bằng tốt nghiệp và thông báo hủy bỏ tư cách tốt nghiệp đối với những người sau khi tốt nghiệp mới bị phát hiện.

4. 外國學生就學期間在臺設戶籍登記、戶籍遷入登記、歸化或回復中華民國國籍者，喪失外國學生身分，應予退學處分。

Sinh viên quốc tế trong thời gian học tập tại Đài Loan, nếu đăng ký hộ tịch, thay đổi hộ tịch, nhập tịch hoặc lấy lại quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan), hủy bỏ tư cách sinh viên nước ngoài, thì sẽ bị nhà trường buộc cho thôi học.

十二、華語文能力測驗及畢業門檻說明/ Yêu cầu về trình độ tiếng Trung và điều kiện tốt nghiệp

本校為華文授課，授課配有當地語言輔導老師協助翻譯。

Các lớp học ở trường chúng tôi dùng tiếng Trung lên lớp, cùng với sự hỗ trợ phiên dịch từ các giáo viên phụ đạo sang tiếng mẹ đẻ của sinh viên.

1. 依據新南向產學合作國際專班規範，須於一年級第二學期結束前(2025 年 7 月 31 日)通過華語文能力 A2 (含) 級以上測驗。如未能通過華語文能力 A2 (含) 級以上測驗者，則應退學處分。

Theo Tiêu chuẩn Hệ Chuyên ban Quốc tế Hợp tác giữa Nhà trường – Doanh nghiệp của chính sách Hướng Nam Mới, trước khi kết thúc học kỳ 2 năm Nhất (tức trước ngày 31/7/2025), sinh viên phải thi lấy được bằng TOCFL A2 trở lên, nếu không đạt sẽ bị đuổi học.

2. 依據黎明技術學院外籍學生華語文能力畢業門檻實施辦法 113 學年度起入學之外籍生必須於畢業前，參加國家華語測驗推動工作委員會（簡稱華測會）辦理之「華語文能力測驗」（TOCFL）檢定，並以進階級 B1、Level3 含以上為通過標準，方能畢業。

Yêu cầu về trình độ tiếng Trung theo Quy định về Điều kiện Tốt nghiệp đối với Sinh viên Nước ngoài nhập học từ năm học 2023-2024 của Học viện Kỹ thuật Leeming, sinh viên phải tham gia "Kỳ thi năng lực Hoa ngữ" (TOCFL) do Ủy ban Xúc tiến Kiểm tra tiếng Trung Quốc gia tổ chức, đồng thời đạt trình độ B1 (Cấp 3) trở lên, mới được tốt nghiệp.



黎明技術學院 國際產學專班入學申請表/

Học viện Kỹ thuật Lê Minh Đơn xin nhập học Hệ Chuyên ban
Quốc tế Hợp tác giữa Nhà trường và Doanh nghiệp

此處貼最近二吋
半身脫帽照片
Dán ảnh thẻ chụp
trong thời gian gần
đây (size 4*6)

I. 個人資料/ Thông tin cá nhân của người làm đơn xin nhập học

申請人須以正楷詳細逐項填寫/ Người làm đơn phải điền đầy đủ thông tin bên dưới

申請人姓名 Họ và tên	(中文/Tên tiếng Trung)	生日 Ngày sinh	(YY/MM/DD)
	(英文/Tên tiếng Anh)	性別 Giới tính	☐ 男/Nam ☐ 女/Nữ
住址 Địa chỉ		聯絡電話 SDT liên hệ	
現在通訊處 Địa chỉ liên lạc hiện tại		E-mail	
國籍 Quốc tịch		護照號碼 Số hộ chiếu	
監護/緊急聯絡人 /Thông tin người giám hộ	姓名 Tên	國籍 Quốc tịch	
	住址 Địa chỉ		
	聯絡電話 SDT liên hệ	與申請人關係 Mối quan hệ	

II. 教育背景/ Quá trình học tập

	學校名稱 Tên trường đã học	學校所在 Địa chỉ trường	修業起迄年月 Thời gian hoàn thành (từ/đến)
中學 Trung học cơ sở			
高級中學 Trung học phổ thông			
大學/學院 Đại học/Học viện			

III. 申請就讀之系科/Chuyên ngành muốn đăng ký

科系名稱 Tên ngành học	☐ 機械工程系/ Khoa Cơ khí/ ☐ 服飾設計系(機能性紡織專班)/ Khoa Thiết kế thời trang (Lớp chuyên ban ngành dệt may ứng dụng) ☐ 數位多媒體系/ Khoa Truyền thông đa phương tiện / ☐ 餐飲管理系/ Khoa Quản trị Nhà hàng
-----------------------	--

入學申請應繳交資料檢查表

Danh sách các giấy tờ cần nộp khi xin nhập học

確認已繳交之資料，在註記欄內打✓

Xác nhận những giấy tờ đã nộp (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng)

所有繳交的資料均不退還，如有必要，請自行複製留存。

Giấy tờ đã nộp sẽ không được hoàn trả lại với bất kỳ lý do nào, học sinh tự lưu 1 bản copy

註記✓ Đánh dấu✓	繳 交 資 料 項 目/ Danh sách giấy tờ cần có
	入學申請表 1 份 (貼二吋半身脫帽照片 1 張)/ 1 Đơn xin nhập học (có dán kèm hình thẻ 4*6)
	護照影本 / Hộ chiếu bản copy
	最高學歷之畢業證書影本、成績單正本各一份。 (正本若非中文版或英文版，則需另附上當地國政府公證的翻譯版)/ Bản sao bằng tốt nghiệp bằng cấp cao nhất, bản chính bằng điểm. (Nếu bản chính không phải tiếng Trung hoặc tiếng Anh, thì cần phải cung cấp thêm bản dịch thuật có công chứng được đóng dấu xác nhận của Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao Việt Nam).
	入學審查授權書 1 份。/1 thư ủy quyền
	醫院核發之三個月內中文版或英文版之健康證明/Giấy khám sức khỏe tiếng Anh hoặc tiếng Trung có thời gian trong vòng 3 tháng
	最近三個月內財力證明書一份(美金 2,000 元以上) ，若財力證明非學生本人帳戶，則需檢附監護人之財力保證，並敘明兩者關係。 Giấy chứng minh tài chính trong vòng ba tháng gần nhất (trên 2.000 đô la Mỹ), nếu tài khoản chứng minh tài chính không phải là của chính sinh viên xin nhập học, thì phải đính kèm giấy bảo lãnh tài chính của người giám hộ và phải nêu rõ mối quan hệ giữa hai người. Laporan keuangan dalam waktu 3 bulan (minimal USD.2,000).
	其他有助審查之資料/Các giấy tờ liên quan khác hỗ trợ việc xét tuyển

申請人簽名/

日期

Người làm đơn ký tên

Ngày tháng/

本欄請勿填寫(辦公人員用)/

Không điền vào ô bên dưới (chỉ dành cho nhân viên)

申請編號	初審承辦人		初審主管		備註	
	複審承辦人		複審主管		備註	

具結書

BẢN CAM KẾT

一、本人保證：

- 1.未曾具有中華民國國籍，於申請時也不具僑生資格。
- 2.具外國國籍，申請時兼具中華民國國籍，自始未曾在臺設有戶籍，且以2024年9月1日往前推算已連續居留海外6年以上。(不含居留大陸地區、香港及澳門，且每曆年在中華民國國內停留期間不得逾120日)
- 3.具外國國籍，申請前曾兼具中華民國國籍，於申請時已不具中華民國國籍，自內政部許可喪失中華民國國籍之日起至 貴校學期起始日(2024年9月1日)止已滿8年，且於2024年9月1日往前推算已連續居留海外6年以上。(不含居留大陸地區、香港及澳門，且每曆年在中華民國國內停留期間不得逾120日)
- 4.本人未曾以僑生身分在臺就學，且未於當學年度接受海外聯合招生委員會分發。

1. Tôi chưa bao giờ có quốc tịch Đài Loan. Ngoài ra, đăng ký xin nhập học không phải với tư cách là Hoa kiều.
2. Vào thời điểm xin học chương trình này, tôi có quốc tịch Đài Loan và quốc tịch nước ngoài nhưng chưa bao giờ đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan. Ngoài ra, tôi đã và đang sống tại nước ngoài liên tục trên 6 năm kể từ 1/9/2024 về trước (không bao gồm cư trú tại Trung Quốc, Hồng Kông, Ma Cao, và thời gian cư trú tại Đài Loan không quá 120 ngày).
3. Vào thời điểm xin học chương trình này, tôi đang giữ quốc tịch nước ngoài hoặc đã từng giữ quốc tịch Đài Loan, có kèm theo văn bản của Bộ Nội vụ chứng thực tôi đã từ bỏ quốc tịch Đài Loan trong ít nhất 8 năm (kể từ 1/9/2024 về trước) và hiện đang sinh sống tại nước ngoài hơn 6 năm (kể từ 1/9/2024 về trước, không bao gồm cư trú tại Trung Quốc, Hồng Kông, Ma Cao, và thời gian cư trú tại Đài Loan không quá 120 ngày).
4. Tôi chưa từng nhập học tại các trường tại Đài Loan với tư cách là Hoa kiều, và chưa từng nhận được giấy báo nhập học nào của Hội đồng tuyển sinh Hải ngoại cấp.

二、本人所提供之最高學歷畢業證書為經驗證之正本。(中文或英文翻譯本)

Bằng tốt nghiệp cao nhất mà tôi nộp là bản chính đã qua công chứng (bản dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Hoa).

三、本人所提供之所有相關資料(包括學歷、護照及其他相關文件之正本及其影本)均為合法有效之文件，如有不符規定或變造之情事，經查證屬實即取消入學資格，且不發給任何有關之學分證明。

Toàn bộ giấy tờ tôi nộp (bao gồm bản gốc hoặc bản sao bằng cấp, hộ chiếu và các giấy tờ khác) là hợp pháp và vẫn trong thời gian có hiệu lực. Nếu có bất cứ giấy tờ nào không hợp lệ hoặc vi phạm bất cứ quy định nào của nhà trường, tôi đồng ý bị tước bỏ kết quả trúng tuyển và sẽ không được cấp bất kỳ giấy chứng nhận học phần đã học.

四、本人未曾遭中華民國各大專校院退學。如違反此規定並經查證屬實者，取消其入學資格並註銷學籍。

Tôi chưa từng bị bất cứ một trường nào của Đài loan bắt buộc cho thôi học, nếu phát hiện thấy vi phạm quy định này sẽ bị hủy bỏ tư cách nhập học.

五、本人同意報名所填各項資料，由 貴校依據「個人資料保護法」等相關法令規定為必要之資訊應用處理相關事宜。

Tôi đồng ý việc nhà trường căn cứ theo “Luật bảo vệ thông tin cá nhân” sử dụng thông tin cá nhân tôi đã cung cấp trong các giấy tờ điền khi nhập học nếu thấy cần thiết.

六、上述所陳之任一事項同意授權貴校查證，如有不實或不符規定等情事，於入學後經查證屬實者，本人願意接受貴校註銷學籍處分，絕無異議。

Tôi cho phép Trường Học viện Kỹ thuật Lê Minh kiểm tra toàn bộ thông tin trên và nếu có bất cứ điều gì bị phát hiện có sai lệch tôi chấp nhận các hình phạt, không có thêm ý kiến.

以上資料確由本人填寫，並經詳細檢查，保證正確無誤。

Tất cả các giấy tờ bên trên tôi đã đọc hiểu và tự điền thông tin, xác nhận không có sai sót.

Informasi yang saya berikan telah diperiksa sepenuhnya dan tidak mengandung informasi palsu.

申請人簽名/ Applicant's signature/ Người làm đơn ký tên /Tandatangan Pemohon(Nama Lengkap) :

: _____

申請日期/Application Date/ Ngày tháng/ Tanggal (YYYY/MM/DD) :

: _____

授權書

THƯ ỦY QUYỀN

我授權黎明術學院查證我所提供的所有資料。

Tôi đồng ý để Học viện Kỹ thuật Lê Minh thực hiện việc xác minh tất cả những thông tin mà tôi cung cấp.

正楷書寫全名 / Họ và tên :

簽名(全名) / Ký tên :

護照號碼/ Số hộ chiếu :

出生日期/ Ngày sinh (YYYY/MM/DD) :

日期/ Ngày tháng :
